

Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế

Bài giảng 9

Thương mại và tăng trưởng ở các nước đang phát triển

James Riedel

Nội dung

Thương mại và tăng trưởng/phát triển

- Câu chuyện chuẩn
- Bằng chứng

Lý thuyết tăng trưởng và vai trò của thương mại

- Hội tụ Solow
- Bất kịp công nghệ của Lucas

Tăng trưởng chậm đi và bẫy thu nhập trung bình

- Một số bằng chứng ở châu Á
- Bẫy tăng trưởng chính trị

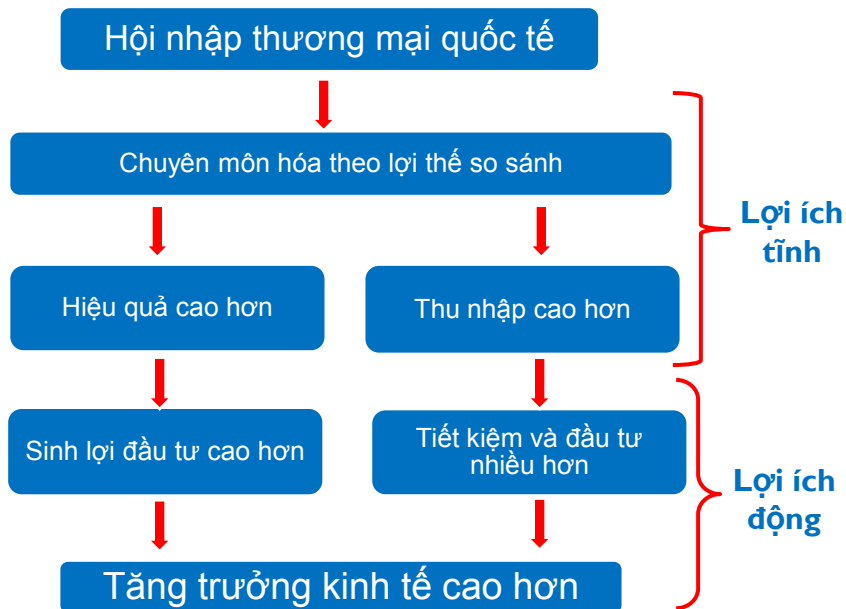
Bi quan xuất khẩu

- Trong thập niên 1950s
- Trong thập niên 1970s
- Ngày nay

Luồng tư duy dòng chính về thương mại và chiến lược công nghiệp hóa

- Trong thập niên 1960s
- Trong thập niên 1990s
- Ngày nay

Thương mại và tăng trưởng: câu chuyện chuẩn



3

Thương mại và tăng trưởng: bằng chứng

Các nền kinh tế mở tăng trưởng nhanh hơn và sự tăng trưởng thể hiện xu hướng hội tụ

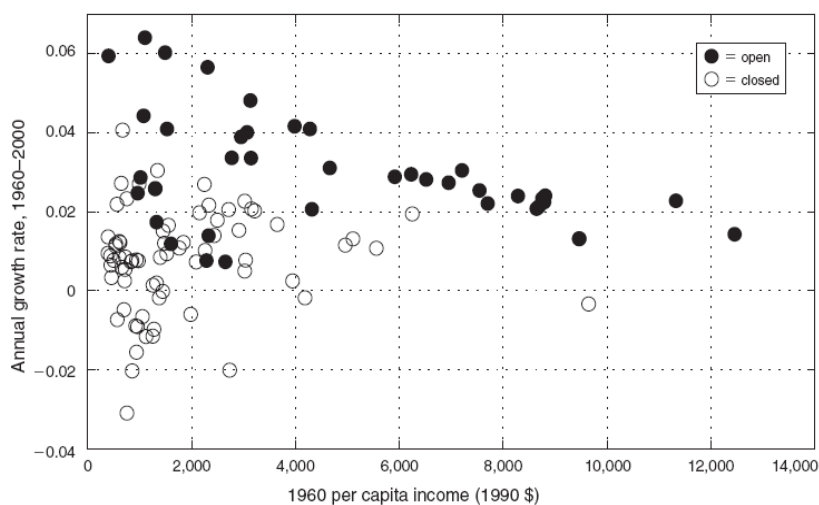


FIGURE 2. INCOME AND GROWTH RATES, 112 COUNTRIES

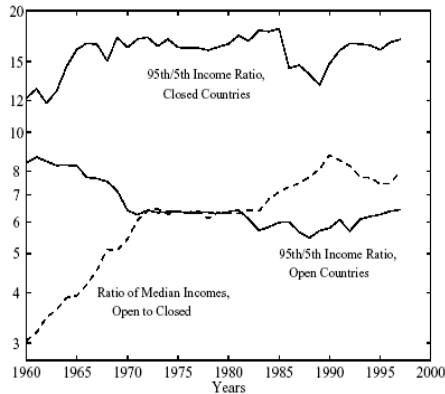
Thương mại và tăng trưởng: thêm bằng chứng

Hội tụ thu nhập trong nền kinh tế thế giới có thể truy nguyên từ toàn cầu hóa – các nước mở cửa tăng trưởng tương đối nhanh, các nước đóng cửa tăng trưởng tương đối chậm.

Tỉ lệ thu nhập giữa nền kinh tế mở và đóng tăng từ 3-8.

Giữa các nền kinh tế mở thì bất cân bằng thu nhập giảm đi.

FIGURE 2. Dispersion: Open versus Closed Countries



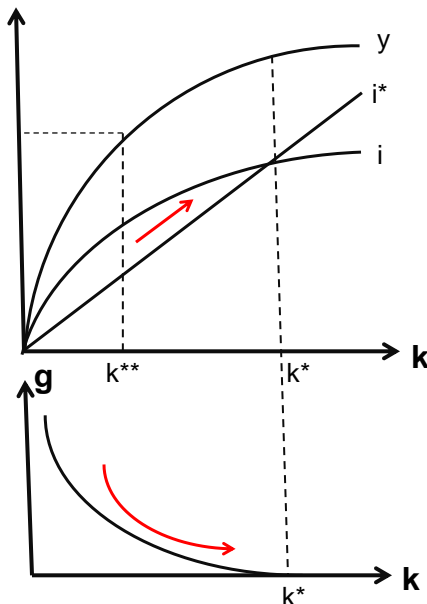
Source: Author's calculation using the extension of the Penn World Tables created by Easterly and Yu (2000). 33 countries are classified as open and 76 are classified as closed.

Mô hình tăng trưởng Solow: hội tụ

Per capita GDP ($y = Y/L$)
 $y = A \cdot k^\alpha \quad 0 < \alpha < 1$
 $0 < \alpha < 1$ implies diminishing MPK
 A = level of technology
 k = capital (K) / labor (L)
 $i = s \cdot y$ = per capita investment ($\Delta K/L$)
 $i^* = n \cdot k$ = required investment for $\Delta k = 0$
 $n = (\Delta L/L)$

Nếu nền kinh tế bắt đầu tại k^{**} , nó sẽ tăng trưởng tự động vì $i > i^*$. Khi tăng trưởng MPK giảm và tốc độ tăng trưởng (g) giảm cho đến khi nền kinh tế đạt trạng thái dừng (k^*) tại đó tăng trưởng chững lại hoặc tăng theo tốc độ của A .

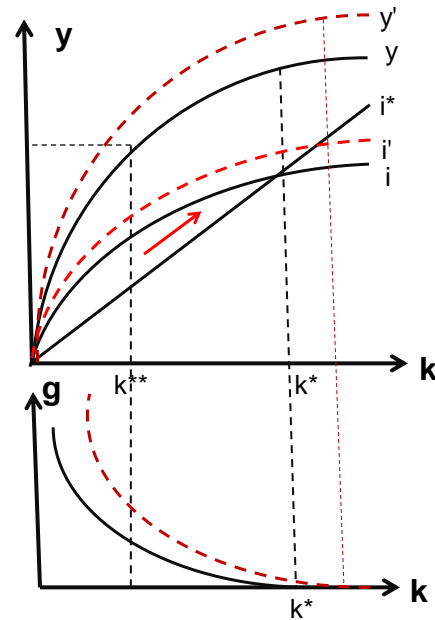
Mô hình dự báo sự hội tụ: các nước nghèo tăng trưởng nhanh hơn các nước giàu. Khi các nước hội tụ đến mức thu nhập của nước giàu, thì tốc độ tăng trưởng sẽ giảm.



Mô hình tăng trưởng Solow: hội tụ

Tự do hóa thương mại giúp nền kinh tế hiệu quả hơn, dịch chuyển y sang y' và i tới i' . Tăng trưởng bùng nổ cho đến khi đạt được trạng thái dừng mới.

Điều này thường xuyên được diễn dịch theo hướng cho rằng tự do hóa thương mại tác động lên mức thu nhập vĩnh viễn, nhưng không phải tốc độ tăng trưởng. Tác động lên tốc độ tăng trưởng là tạm thời.



Mô hình Lucas: đuổi bắt công nghệ

Mô hình Solow cho rằng tốc độ thay đổi công nghệ là không đổi và ngoại sinh ở μ .

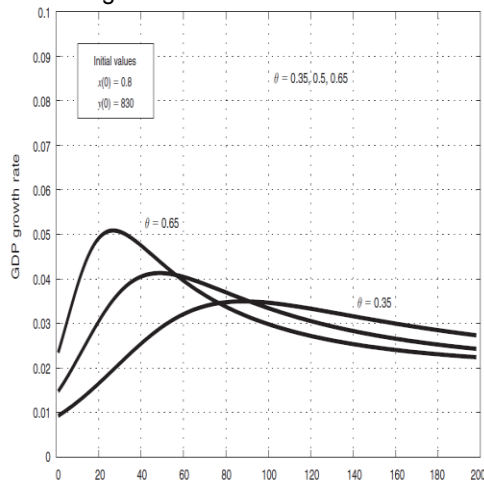
Ở các nước đang phát triển tốc độ thay đổi công nghệ và tăng trưởng thu nhập là:

$$\mu \cdot \left(\frac{\bar{y}}{y}\right)^\theta$$

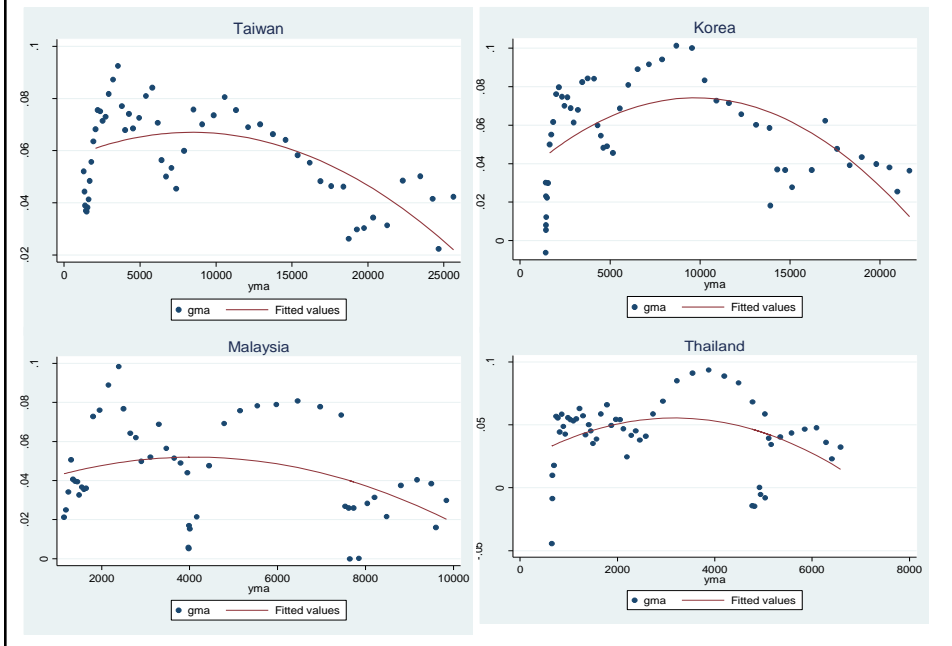
\bar{y} là thu nhập ở trình độ công nghệ cận biên, y là thu nhập ở các nước LDC đến sau, $0 < \theta < 1$ là tham số tác động lan tỏa công nghệ.

Đuổi bắt công nghệ xảy ra chủ yếu trong công nghiệp. Khi công nghiệp phát triển, lao động được rút ra khỏi nông nghiệp nơi có năng suất tương đối thấp... mang thêm lực đẩy tăng trưởng.

Trong mô hình Lucas ban đầu tốc độ tăng trưởng tăng, đạt đỉnh ở thu nhập trung bình, sau đó giảm



Trị trẻ: Bẫy thu nhập trung bình



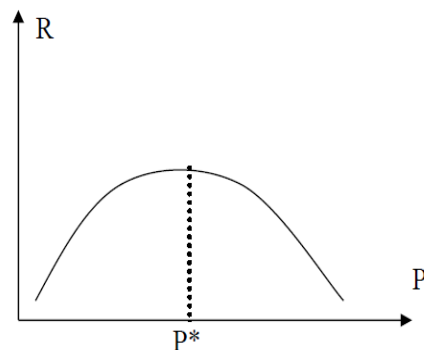
Bẫy thu nhập trung bình: Điều gì tạo ra cái bẫy?

Giả thuyết lý giải tại sao quán tính cải cách chính sách lụi tàn ở mức thu nhập trung bình?

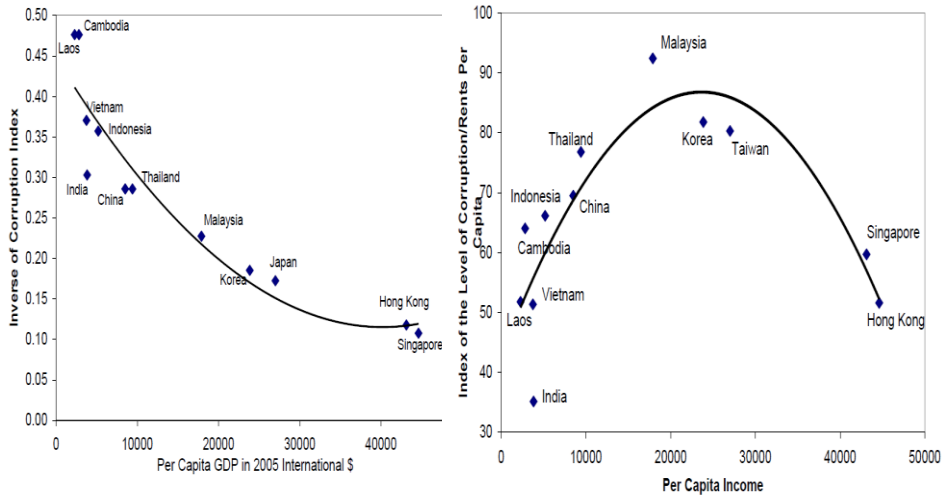
Tiền đề: các nhà hoạch định chính sách ấn định chính sách để tối đa hóa cơ hội trực lợi và củng cố quyền lực trong tay.

Tiền đề: lợi ích kinh tế (R) có thể được khai thác phụ thuộc vào chính sách (P). P là chỉ số về chất lượng chính sách. P càng cao, càng có ít biến dạng trong nền kinh tế và ít quyền tùy định trong tay các nhà hoạch định chính sách.

Giả thuyết: P xác định R thông qua hai kênh nghịch hướng. (1) khi P tăng phạm vi trực lợi giảm. (2) P tiếp tục tăng, Y tăng và qui mô trực lợi tăng lên. Vì P có sinh lợi giảm dần trên Y, nên tác động qui mô sẽ nổi trội trong giai đoạn đầu cải cách và sau đó tác động phạm vi sẽ nổi lên vào cuối giai đoạn cải cách. Chính sách nào tối đa hóa R (P*) thì sẽ yếu hơn chính sách tối đa hóa thu nhập – ở phạm vi thu nhập trung bình.



Bẫy chính trị thu nhập trung bình: minh họa



Câu hỏi: Tại sao các nước thu nhập thấp không tích cực áp dụng cải cách để nắm bắt tác động qui mô lên hành vi trục lợi? Thường phải có khủng hoảng mới có động cơ thực hiện

Câu hỏi: Tại sao một số nước (như Việt Nam, Ấn Độ) cải cách chậm trước khi tiến sâu vào khoản thu nhập trung bình?

Bi quan xuất khẩu trong thập niên 50

Nurkse (cú hích lớn, tăng trưởng cân bằng, tiên phong ISI) lập luận rằng, thương mại dù là động cơ tăng trưởng trong thế kỷ 19 không thể kỳ vọng sẽ đóng vai trò tương tự trong thế kỷ 20 vì thiếu cầu đối với hàng xuất khẩu của LDC, do:

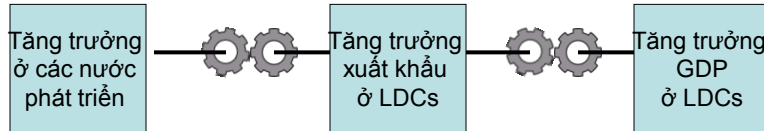
- Độ co dãn cầu theo thu nhập thấp
- Phổ biến vật liệu tổng hợp (cao su)
- Cung nội địa ở các nước phát triển
- Chủ nghĩa bảo hộ ở các nước phát triển

Kravis (1980) lập luận rằng sự thành công xuất khẩu trong thế kỷ 19 là do cung thúc đẩy, không phải cầu. Vì xuất phát từ phía cung, nên chỉ những khu vực ở thế giới đang phát triển (vùng phụ cận) được hưởng "điều kiện ưu đãi" mới là nước xuất khẩu thành công (không phải tất cả quốc gia như giả thuyết cầu hàm ý). Hơn nữa, ông cho rằng điều kiện cầu trong thế kỷ 20 ít nhất cũng thuận lợi cũng như trong thế kỷ 19.

Do đó ông kết luận rằng thương mại không phải là cỗ máy tăng trưởng trong thế kỷ 19, nhưng thay vào đó là người giúp việc cho tăng trưởng và có thể đóng vai trò trong thế kỷ 20.

Bi quan xuất khẩu trong thập niên 70

Theo Lewis (1980), tăng trưởng ở các nước đang phát triển được thúc đẩy bởi xuất khẩu và xuất khẩu được thúc đẩy bởi nhu cầu ở các nước phát triển. Lewis nhìn thấy trước sự trì trệ trường kỳ ở các nước phát triển và lập luận rằng cỗ máy thương mại tăng trưởng ở các nước phát triển đã hết xăng. (một lần nữa).

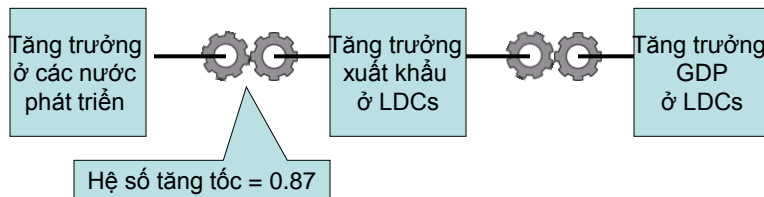


Lewis không cung cấp bằng chứng rằng tăng trưởng ở LDC được xuất khẩu thúc đẩy, nhưng ông lập luận rằng xuất khẩu của LDC được thúc đẩy bởi tăng trưởng ở các nước phát triển. Tiếc thay, quan điểm về mối quan hệ thương mại giữa các nước phát triển và đang phát triển của ông nhìn chung là lỗi thời. Quan điểm về LDC là các nước xuất khẩu hàng sơ cấp của ông đã lỗi thời ngay khi ông nhận giải thưởng Nobel năm 1979.

LDCs đã đa dạng hóa khỏi hàng nguyên liệu sang sản xuất chế tạo và tăng trưởng hàng công nghiệp xuất khẩu không có liên quan gì để tăng trưởng thu nhập ở các nước phát triển, hay so cung thúc đẩy không phải cầu.

Bi quan xuất khẩu trong thập niên 70

“Tốc độ tăng trưởng thương mại thế giới hàng nguyên liệu trong giai đoạn 1873 đến 1913 là 0.87 lần tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp ở các nước phát triển; và mối quan hệ tương tự cũng xảy ra trong hai thập niên 1973... chúng ta không cần bằng chứng thống kê tinh vi rằng thương mại phụ thuộc vào sự thịnh vượng ở các nước công nghiệp.” Lewis, 1980, p.556.



Hệ số tăng tốc của tăng trưởng xuất khẩu LDC với tăng trưởng thu nhập thực ở các nước phát triển.

	1953-78	1950s	1960s	1970s
Primary products	0.83	1.02	0.60	1.06
Manufactures			1.90	4.08



Bi quan xuất khẩu ngày nay

Trích dẫn mối quan hệ chữ U ngược giữa sự tập trung công nghiệp với thu nhập bình quân đầu người (Imbs và Wacziarg, 2003), Rodrick (2003) cho rằng “bất kể điều gì đóng vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, nó vẫn không thể là những động lực từ lợi thế so sánh theo cách hiểu thông thường.” Hai dạng thất bại thị trường làm tê liệt đổi mới sáng tạo và phát hiện hoạt động mới:

Ngoại tác thông tin:

“Giá cả thị trường không thể hiện được khả năng lợi nhuận của sự phân bổ nguồn lực vốn chưa tồn tại”. Rodrik khuyến nghị chính sách “cây gậy và củ và rốt”. Củ và rốt: hạn định thương mại hoặc vốn mạo hiểm. Cây gậy: những yêu cầu kết quả kinh doanh và giám sát.

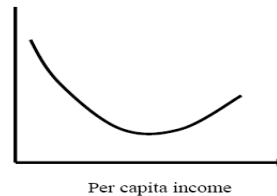
Ngoại tác phối hợp

“Nhiều dự án đòi hỏi phải đầu tư đồng thời để có lợi nhuận”

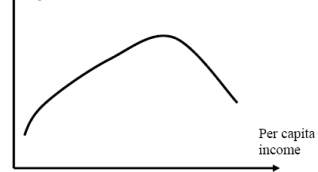
“thất bại trong phối hợp tạo ra khoảng cách lớn về khả năng điều phối đầu tư và quyết định sản xuất giữa các doanh nhân.”

Chốt lại: “tăng trưởng nhanh tiếp diễn ở các nước đang phát triển đòi hỏi phải có những chính sách chủ động vun đắp sự chuyển đổi cơ cấu và hình thành ngành mới.”

Concentration of production structure



Number of new products exported



Bi quan xuất khẩu ngày nay: lý lẽ phản bác

- Theo Baldwin (2012) “khi lý thuyết thể hệ thứ nhất (ISI) có tác dụng, công nghiệp hóa có nghĩa là thiết lập toàn bộ chuỗi cung ứng ở nước nhà. Điều mấu chốt là không quốc gia nào có thể trở nên cạnh tranh toàn cầu mà không có cơ sở công nghiệp sâu rộng. Thiết lập chuỗi cung ứng như trên mất nhiều thập niên, do đó những cân nhắc về qui mô, phối hợp và cam kết đặt ra những thách thức phát triển to lớn.”
- “Toàn cầu hóa lần hai mở ra hướng đi công nghiệp hóa mới. Ngày nay, các nước có thể công nghiệp hóa bằng cách gia nhập chuỗi cung ứng- không cần phải thiết lập chuỗi cung ứng. Một số nước là các nền kinh tế tổng hành dinh, các nước khác là nền kinh tế sản xuất, nhưng không nước nào sở hữu toàn bộ chuỗi giá trị.”
- Hàm ý:
“công nghiệp hóa là dễ hơn và nhanh hơn, nhưng công nghiệp hóa ít có ý nghĩa hơn” (nghĩa là sao?)
- Trọng tâm của Rodrik vào hàng xuất khẩu tinh vi là sai lệch. – Trung Quốc thành công không phải nhờ chuyển dịch lên chuỗi giá trị, mà là khai thác lĩnh vực mình có lợi thế so sánh, hay lắp ráp sản phẩm công nghệ cao thì không khác gì lắp ráp sản phẩm công nghệ thấp.

Sự tiến hóa của thương mại và chiến lược công nghiệp hóa: tư duy dòng chính thời kỳ 1960

1. Thời đại kinh tế kế hoạch hóa (Keynes, WWII, SU, giải phóng thuộc địa)
2. Phát triển là tích lũy vốn (W.A. Lewis)
3. Công nghiệp hóa cần “cú hích lớn” (Rosenstein-Rodan; Scitovsky)
4. Cú hích lớn cần kế hoạch hóa tập trung (Mahalanobis)
5. Bi quan cầu xuất khẩu (Nurkse: Prebisch; Singer)
6. Chiến lược thay thế nhập khẩu (lập luận ngành non trẻ)
7. Cần viện trợ nước ngoài để khởi sắc (Rostow; Chenery)

Sự tiến hóa của thương mại và chiến lược công nghiệp hóa: tư duy dòng chính thời kỳ 1990

1. Chiến lược thúc đẩy xuất khẩu thay thế ISI như là quan điểm chính thống
2. Tăng trưởng TFP thay thế tích lũy vốn
3. “Định giá đúng” trở thành khẩu hiệu thời này
4. SOEs phải tư nhân hóa
5. FDI là tốt, nhưng đầu tư gián tiếp là nguy hiểm (khủng hoảng nợ Latin)
6. Viện trợ nước ngoài cần sử dụng để thúc đẩy cải cách, không phải xây dựng cơ sở hạ tầng
7. Đồng thuận Washington ra đời

Sự tiến hóa của thương mại và chiến lược công nghiệp hóa: tư duy dòng chính ngày nay

1. Không có ý tưởng lớn, nhưng có nhiều lối đi phát triển (Rodrik)
2. Vốn nước ngoài vẫn còn nguy hiểm (Mexico 1994; Asia 1997, Argentina 2002)
3. Toàn cầu hóa có mặt trái (Đại khủng hoảng 2009-10)
4. Đồng thuận Washington là một từ bần
5. Không phải là định giá đúng, mà là định thể chế đúng (Acemoglu/Robinson)
6. Không phải vĩ mô, vi mô mới quan trọng (Banerjee/Duflo)
7. Mọi thứ đều là chuỗi giá trị toàn cầu và chính sách chính phủ là cần thiết để thúc đẩy các nước tiến lên chuỗi giá trị
8. EOI dẫn đến bản thu nhập trung bình